

Số: 2248/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Lâm nghiệp,
Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ
nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa
đổi, bổ sung, bị bãi bỏ hoặc hủy bỏ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn: Quyết định số 3652^a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024; Quyết định số
3670^a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024 và Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày
30/10/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 165/TTr-SNN ngày 08/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới
ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Lâm nghiệp, Kiểm
lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
(Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng mới; sửa đổi, bổ
sung quy trình nội bộ đối với việc giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1

Quyết định này (nếu cần thiết); hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền tỉnh Phú Thọ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục hành chính được công bố tại Danh mục ban hành kèm theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ: Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 (Thủ tục số 01, 02 Mục V, Phần B Danh mục) và Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 (Thủ tục số 05, Mục II Phần A và thủ tục số 01, Mục II Phần B, Danh mục).

Bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính được công bố tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ (Thủ tục số 05, Mục III Phần A, Danh mục).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành, thị; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2248/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

TTHC: Thủ tục hành chính.
DVC: Dịch vụ công

A. TTHC MỚI BAN HÀNH

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
I	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh						
<i>a</i>	<i>Lĩnh vực Lâm nghiệp</i>						
1	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan chuyên ngành về Lâm nghiệp tại địa phương (do Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ) 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: www.Dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ BCCI	Không	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	- Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng. - Nghị quyết của HĐND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng.
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện						
<i>a</i>	<i>Lĩnh vực Lâm nghiệp</i>						
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện (được giao nhiệm vụ). 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: www.Dichvucong.phutho.gov.vn	Không	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ . - Nghị quyết của HĐND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng.

			<i>3. Dịch vụ BCCI</i>			
--	--	--	-------------------------------	--	--	--

B. TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
I	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh						
a	Lĩnh vực Kiểm lâm						
1	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	<p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	<p>1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cơ quan Kiểm lâm sở tại (Cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc Cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh đối với những địa phương không có quan quan kiểm lâm cấp huyện).</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>2. Dịch vụ BCCI</p>	Không	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	<p>- Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2024.</p> <p>- Khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ.</p>
2	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập	<p>- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,</p>	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555</p>	Không	Một phần	<p>- Chương III, Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17,</p>

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
		khẩu, xuất khẩu gỗ	hợp lệ.	<p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ BCCI</p>			khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ.
3	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<p>Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh:</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND cấp tỉnh kết quả thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh:</p> <p>+ Trường hợp không phải xin ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành: 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp phải xin ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành: 23 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Bộ, ngành có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh: 15</p>	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210 2222 555</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ BCCI</p>	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh. - <i>HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: theo quy định của pháp luật.</i>				
4	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyên mục rừng sang mục đích khác	<p>- <i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND cấp tỉnh kết quả thẩm định: 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</i></p> <p>- <i>UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh:</i></p> <p>+ Trường hợp không phải xin ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành: 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>+ Trường hợp phải xin ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành: 23 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- <i>Bộ, ngành có ý kiến bằng văn bản gửi UBND cấp tỉnh: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh.</i></p>	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ</i> ĐT: 0210 2222 555</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: www.dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ BCCI</p>	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			- HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: theo quy định của pháp luật.				

C. TTHC BỊ BÃI BỎ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ, hủy bỏ TTHC
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh		
a	Lĩnh vực Lâm nghiệp		
1	1.000065	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp